

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH KẾ TOÁN

Tên chương trình (tiếng Việt): **KẾ TOÁN**

Tên chương trình (tiếng Anh): **Accounting**

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành: 8340301

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khoa quản lý: Tài Chính Kế Toán

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2024

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1236/QĐ-DCT ngày 23 tháng 4 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

**Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): KẾ TOÁN**

**Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Accounting**

**Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ

**Ngành đào tạo:** Kế toán

**Mã ngành đào tạo:** 8340301

**Lĩnh vực:** Kinh doanh quản lý

**Loại hình đào tạo:** Chính quy

### Thông tin về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo này được xây dựng theo định hướng đăng ký đánh giá ngoài cấp chương trình đào tạo theo *tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (MOET)*, từ năm 2019.

#### 1. Mục tiêu đào tạo

##### 1.1. Mục tiêu đào tạo (Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu)

###### Mục tiêu tổng quát

Đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán theo hướng nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán. Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng tư duy phản biện, có tính sáng tạo, có kỹ năng và kiến thức để thực hiện các công việc chuyên môn cao trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán nhằm đạt được chất lượng và hiệu quả cao trong điều kiện phát triển kinh tế bền vững của đất nước và hội nhập quốc tế.

###### Mục tiêu cụ thể

*Người học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

**a. Kiến thức**

Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về chuyên ngành kế toán, kiểm toán để thiết kế các công việc tổ chức và quản trị công tác kế toán, kiểm toán, Phân tích, đánh giá các thông tin trên báo cáo tài chính nhằm dự báo được tình hình tài chính cho các đối tượng có liên quan.

**b. Kỹ năng**

Có khả năng tư duy phản biện, có tính sáng tạo, có nhận thức, để nghiên cứu và định hướng ngành nghề thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Đồng thời có kỹ năng làm việc nhóm, phân tích, đánh giá, nghiên cứu, để giải quyết và cung cấp các thông tin trên báo cáo tài chính trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Khả năng đưa ra những sáng kiến quan trọng; Thích nghi, và hướng dẫn người khác. Khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

**c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

Có đạo đức, thái độ nghề nghiệp chuyên nghiệp, khả năng làm việc nhóm, khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp bản thân. Tự chịu trách nhiệm trong công việc kế toán – kiểm toán ở những môi trường khác nhau.

**1.2. Mục tiêu đào tạo (Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng)**

**Mục tiêu tổng quát**

Đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán theo hướng ứng dụng trong lĩnh vực kế toán. Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng định hướng dịch vụ, có kỹ năng và kiến thức để thực hiện các công việc chuyên môn cao trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán nhằm đạt được chất lượng và hiệu quả cao trong điều kiện phát triển kinh tế bền vững của đất nước và hội nhập quốc tế.

**Mục tiêu cụ thể**

*Người học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

**a. Kiến thức**

Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về chuyên ngành kế toán, kiểm toán để thực hiện các công việc tổ chức và quản trị công tác kế toán, kiểm toán, Phân tích, tổng hợp các thông tin trên báo cáo tài chính nhằm dự báo được tình hình tài chính cho các đối tượng có liên quan.

**b. Kỹ năng**

Có khả năng định hướng ngành nghề thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Đồng thời có kỹ năng làm việc nhóm, phân tích, tổng hợp để giải quyết và cung cấp các thông tin trên báo cáo tài chính trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Khả năng Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. Mặt khác, có khả năng quản lý và cải tiến các hoạt động chuyên môn về kế toán, kiểm toán trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

**c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

Có đạo đức, thái độ nghề nghiệp chuyên nghiệp, khả năng làm việc nhóm, khả năng tự học để phát triển nghề nghiệp bản thân. Tự chịu trách nhiệm trong công việc kế toán – kiểm toán ở những môi trường khác nhau.

## 2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

### 2.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	MĐNL
a	<b>Kiến thức</b>	
PLO1	Nghiên cứu, phân tích và biện luận về khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C3, C4
PLO1.1	Phân tích và biện luận khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C3
PLO1.2	Sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học để phát triển tri thức mới.	C4

<b>Ký hiệu</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>	<b>MĐNL</b>
PLO2	Tổng hợp và đánh giá chuyên sâu các vấn đề phức tạp liên quan đến ngành kế toán.	C5
PLO2.1	Tổng hợp và đánh giá các kiến thức chuyên sâu về tài chính, kế toán.	C5
PLO2.2	Tổng hợp và đánh giá các chiến lược, chính sách một cách có hệ thống về kế hoạch, quản lý điều hành, giám sát liên quan lĩnh vực tài chính, kế toán.	C5
<b>b</b>	<b>Kỹ năng, phẩm chất cá nhân</b>	
PLO3	Tổng hợp, phân tích, giải thích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực kế toán để phục vụ cho việc nghiên cứu.	P4
PLO3.1	Tổng hợp, phân tích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực kế toán để phục vụ cho việc nghiên cứu.	P4
PLO3.2	Kết hợp được các kỹ năng đơn giản để thực hiện kỹ năng phức tạp để lập báo cáo tài chính, báo cáo nội bộ, báo cáo phân tích nhằm cung cấp thông tin cho việc ra quyết định.	P4
PLO4	Tự tìm kiếm, nghiên cứu, tổng hợp được tài liệu, thông tin, bằng chứng khoa học để khám phá vấn đề mới.	P4
PLO5	Phân tích chuyên sâu các quan điểm khoa học để có thể phản biện, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán.	A4
<b>c</b>	<b>Kỹ năng tương tác</b>	
PLO6	Truyền đạt và trao đổi kết quả công việc liên quan đến nghề nghiệp kế toán bằng tiếng Việt hay tiếng Anh.	P3
PLO6.1	Thể hiện đúng về chuyên đề, báo cáo thực tập, luận văn đã thực hiện.	P3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	MĐNL
PLO6.2	Sử dụng ngoại ngữ để có thể giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán.	P3
d	<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)</b>	
PLO7	Nhận diện được bối cảnh kinh tế xã hội để tạo ra những hiểu biết mới hoặc giải quyết câu hỏi nghiên cứu đặt ra.	R4
PLO8	Xây dựng được quy trình kiểm soát, hoạch định kế hoạch tài chính, đánh giá tình hình tài chính để quyết định hoặc tham mưu ra quyết định của đơn vị.	P4

**2.2. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình theo định hướng nghiên cứu**

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
1	0310100409	11100012	Triết học	Chung	4	BB	C3			P3			R3	
2	0310101509	12100021	Phương pháp NC định tính	Chuyên ngành	2	BB	C4			P4	A4			
3	0310101441	12100001	PPNCKH trong TCKT	Chuyên sâu	3	BB	C4		P4	P4	A4			
4		12200101	Lý thuyết kế toán	Chuyên ngành	2	BB		C5		P4	A4			
5		12200102	Kế toán TC nâng cao	Chuyên ngành	2	BB		C5		P4				P4
6		12100027	PTDL trong TCKT nâng cao	Chuyên ngành	2	TC		C5	P4		A4		R4	
7	0310101446	12100005	Tiền tệ ngân hàng	Chuyên ngành	2	TC		C5		P4	A4			
8	0310101511	12200107	KT quản trị nâng cao	C sâu	2	BB		C5			A4			P4
9	0310101510	12100022	Phương P NC định lượng	C ngành	2	BB	C4			P4	A4			
10	0310101505	11100009	Luật kinh doanh	C ngành	2	BB	C3			P3				P3
11	0310101454	12100012	Tài chính quốc tế	C sâu	2	TC		C5		P4	A4			
12	0310101447	12100007	QT tài chính hiện đại	C sâu	2	TC		C5		P4	A4			
13	0310101443	12100006	Dự báo trong KD và KT	C ngành	2	TC		C5	P4				R4	P4
14	0310101444	12200113	Hệ thống thông tin QL	C ngành	2	TC			P4		A4			P4
15	0310101458	12100018	Kiểm soát nội bộ	C sâu	2	TC		C5	P4		A4			
16		12200109	BCTC nâng cao	C sâu	2	BB		C5	P4			P3		
17	0310101451	12100009	Phân tích chính sách thuế	C sâu	2	TC		C5			A4		R4	
18		12200108	Kiểm toán nâng cao	C sâu	2	BB		C5	P4					P4
19	0310101452	12100010	SP phái sinh và QTRRTC	C sâu	2	TC		C5	P4		A4			

20	0310101506	12100023	Quản trị dự án	C sâu	2	TC		C5			A4		R4	
21	0310101512	12207110	Chuyên đề 1	Chuyên đề	3	BB		C5	P4	P4		P3	R4	
22	0310101513	12207111	Chuyên đề 2	Chuyên đề	3	BB		C5	P4			P3	R4	
23	0310101514	12207112	Chuyên đề 3	Chuyên đề	3	BB		C5	P4	P4		P3	R4	
24	0310101516	12204104	Thực tập	Thực tập	3	BB			P4			P3		P4
25	0310101515	12209105	Luận văn	Luận văn	15	BB		C5	P4	P4	A4	P3	R4	P4
<b>Tổng số học phần đáp ứng chuẩn đầu ra: 25</b>														

### 2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	MĐNL
a	<b>Kiến thức</b>	
PLO1	Phân tích và biện luận về khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C3, C4
PLO1.1	Phân tích và biện luận khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C3
PLO1.2	Sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học để phát triển tri thức mới.	C4
PLO2	Tổng hợp và đánh giá chuyên sâu các vấn đề phức tạp liên quan đến ngành kế toán.	C5
PLO2.1	Tổng hợp và đánh giá các kiến thức chuyên sâu về tài chính, kế toán.	C5
PLO2.2	Tổng hợp và đánh giá các chiến lược, chính sách một cách có hệ thống về kế hoạch, quản lý điều hành, giám sát liên quan lĩnh vực tài chính, kế toán.	C5
b	<b>Kỹ năng, phẩm chất cá nhân</b>	
PLO3	Tổng hợp, phân tích, giải thích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực kế toán.	P4
PLO3.1	Tổng hợp, phân tích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực kế toán để phục vụ cho việc nghiên cứu.	P4
PLO3.2	Kết hợp được các kỹ năng đơn giản để thực hiện kỹ năng phức tạp để lập báo cáo tài chính, báo cáo nội bộ, báo cáo phân tích nhằm cung cấp thông tin cho việc ra quyết định.	P4
PLO4	Tự tìm kiếm, nghiên cứu, tổng hợp được tài liệu, thông tin, bằng chứng khoa học để khám phá vấn đề mới.	P4

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	MĐNL
PLO5	Phân tích chuyên sâu các quan điểm khoa học để có thể phản biện, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán.	A4
c	<b>Kỹ năng tương tác</b>	
PLO6	Truyền đạt và trao đổi kết quả công việc liên quan đến nghề nghiệp kế toán bằng tiếng Việt hay tiếng Anh.	P3
PLO6.1	Thể hiện đúng về chuyên đề, báo cáo thực tập, luận văn đã thực hiện.	P3
PLO6.2	Sử dụng ngoại ngữ để có thể giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán.	P3
d	<b>Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)</b>	
PLO7	Nhận diện được bối cảnh kinh tế xã hội để tạo ra những hiểu biết mới.	R4
PLO8	Xây dựng được quy trình kiểm soát, hoạch định kế hoạch tài chính, đánh giá tình hình tài chính để quyết định hoặc tham mưu ra quyết định của đơn vị.	P4

## 2.4. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình theo định hướng ứng dụng

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại học phần	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
1	0310100409	11100012	Triết học	chung	4	BB	C3			P3			R3	
2	0310101519	12100001	PPNCKH trong TCKT	Chuyên sâu	2	BB	C4		P4	P4	A4			
3		12200101	Lý thuyết kế toán	Chuyên ngành	2	BB		C5		P4	A4			
4		12200102	Kế toán TC nâng cao	C ngành	2	BB		C5		P4	A4			P4
5	0310101511	12200107	KTQ trị nâng cao	C ngành	2	TC			4	4	4		5	
6	0310101505	11100009	Luật kinh doanh	C ngành	2	TC	4		4				5	
7	0310100454	12100012	Tài chính quốc tế	C sâu	2	TC		C5		P4	A4			
8		12200109	BCTC nâng cao	C sâu	2	BB		C5	P4			P3		
9		12100027	PTDL trong TCKT nâng cao	C sâu	2	TC		C5	P4		A4		R4	
10	0310100447	12100007	Quản trị TC hiện đại	C ngành	2	TC		C5		P4	A4			
11	0310100448	12100008	BCTC- PT, DB ĐG	C ngành	2	TC		C5			A4			P4
12	0310100453	12100011	Mô hình tài chính	C sâu	2	TC		C5			A4			P4
13	0310100455	12100013	Ngân hàng hiện đại	C sâu	2	TC		C5			A4		R4	
14	0310100456	12100014	QTNH hiện đại	C sâu	2	TC		C5			A4		R4	
15	0310100558	13102022	QT chuỗi cung ứng	C sâu	2	TC		C5			A4		R4	
16	0310100451	12100009	Phân tích CS thuỷ	C sâu	2	BB		C5			A4		R4	
17	0310100452	12100010	SPPS và QTRRTC	C sâu	2	TC		C5	P4		A4			
18	0310100567	13100017	QT DM đầu tư	C sâu	2	TC		C5			A4		R4	
19		12200108	Kiểm toán nâng cao	C sâu	2	BB		C5	P4		A4			
20	0310100444	12200113	Hệ TTT quản lý	C sâu	2	TC				P4	A4			P4

21	0310100456	12100016	Quản trị dự án	C sâu	2	TC		C5			A4		R4	
22	0310100457	12200103	Kế toán chi phí	C sâu	2	TC		C5		P4				P4
23	0310100458	12100018	Kiểm soát nội bộ	C sâu	2	BB		C5	P4		A4			
24	0310100506	12100020	Kế toán quốc tế	C sâu	2	TC		C5	P4			P3		
25	0310100568	13100033	E- Marketing	C sâu	2	TC		C5	P4					P4
26	0310100571	13100003	Khoa học lãnh đạo	C sâu	2	TC	C3			P4			R4	
27	03101001515	12204104	Thực tập	Thực tập	8	BB			P4			P3		P4
28	03101001508	12207106	Đề án	Đề án	8	BB		C5	P4	P4	A4	P3	R4	P4
<b>Tổng số học phần đáp ứng chuẩn đầu ra: 28</b>														

### 3. Khối lượng học tập

#### 3.1. Cấu trúc chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu

TT	Kiến thức	Khối lượng kiến thức	Tỷ lệ %
1	Triết học	4 tín chỉ	7%
2	Học phần chuyên ngành	29 tín chỉ	48%
3	Các chuyên đề nghiên cứu, thực tập	12 tín chỉ	20%
4	Luận văn	15 tín chỉ	25%
Tổng số tín chỉ tích lũy		60 tín chỉ	100%

#### 3.2. Cấu trúc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

TT	Kiến thức	Khối lượng kiến thức	Tỷ lệ %
1	Triết học	4 tín chỉ	7%
2	Học phần chuyên ngành, đồ án học phần, chuyên đề	40 tín chỉ	67%
3	Thực tập	8 tín chỉ	13%
4	Đề án	8 tín chỉ	13%
Tổng		60 tín chỉ	100%

### 4. Thời gian đào tạo

Thời gian thiết kế: 1,5 năm.

Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo tối đa bao gồm thời gian thiết kế và thời gian được phép kéo dài được quy định trong Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

### 5. Văn bằng tốt nghiệp

Cấp bằng Thạc sĩ khi người học hoàn thành chương trình đào tạo, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định và đáp ứng đủ các điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo sau đại học của Trường.

## **6. Chuẩn đầu vào**

Người học có bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương và đáp ứng các tiêu chuẩn xét tuyển hoặc thi tuyển đầu vào của Trường.

Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp được dự thi/xét tuyển ngay sau khi tốt nghiệp. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành dự thi/xét tuyển phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi/xét tuyển theo danh mục học phần bổ sung kiến thức.

<b>Ngành phù hợp</b>	<b>Ngành gần</b>	<b>Môn học bổ sung</b>
- Kế toán	- Tài chính – Ngân hàng	1. Kế toán tài chính (2 TC)
- Kiểm toán	- Bảo hiểm	2. Kế toán quản trị (2 TC)
- Kế toán – Kiểm toán	- Công nghệ tài chính - Quản trị kinh doanh - Kinh doanh thương mại	3. Kiểm toán (2 TC) 4. Hệ thống thông tin kế toán (2 TC)

## **7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập**

Theo Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh) và Quy định thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập (Ban hành kèm theo Quyết định số 2402/QĐ-DCT ngày 22/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

## **8. Quy chế đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

Xét và công nhận tốt nghiệp: theo Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

Chuẩn ngoại ngữ: theo Quy định Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1281/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

Chuẩn công nghệ thông tin: theo Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (Ban hành kèm theo Quyết định số 3297/QĐ-DCT ngày 07/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

## **9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán, học viên có thể đảm đương được các công việc:

- Trưởng phòng Kế toán, giám đốc tài chính ở các doanh nghiệp.
- Cán bộ quản lý ở các doanh nghiệp, cơ quan thuế và các tổ chức tài chính.

- Nghiên cứu viên và giảng viên các trường cao đẳng và đại học.

## 10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể tiếp tục học nghiên cứu sinh nâng cao trình độ để trở thành tiến sĩ các ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh.

## 11. Nội dung chương trình đào tạo

### 11.1. Nội dung chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
<b>I. Học phần bắt buộc</b>				<b>23 (23,0)</b>	
1.	100409	11100012	Triết học	4(4,0)	
2.	101509	12100021	Phương pháp nghiên cứu định tính	2(2,0)	
3.	101510	12100022	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2(2,0)	
4.		12200101	Lý thuyết kế toán	2(2,0)	
5.		12200102	Kế toán tài chính nâng cao	2(2,0)	
6.		12200107	Kế toán quản trị nâng cao	2(2,0)	
7.		12200108	Kiểm toán nâng cao	2(2,0)	
8.	100441	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	3(3,0)	
9.	100458	12100018	Kiểm soát nội bộ	2(2,0)	
10.	101505	11100009	Luật kinh doanh	2(2,0)	
<b>II. Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 5 học phần)</b>				<b>10(10,0)</b>	
1.	101504	12100003	Phân tích dữ liệu trong tài tài chính - kế toán (Data Analysis for Finance and Accounting)	2(2,0)	
2.		12200109	Báo cáo tài chính nâng cao (Advanced Financial Reporting)	2(2,0)	
3.	100444	12200113	Hệ thống thông tin quản lý	2(2,0)	
4.	100446	12100005	Tiền tệ Ngân hàng	2(2,0)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện
					(học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
5.	100443	12100006	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2(2,0)	
6.	100449	12100009	Phân tích chính sách thuế	2(2,0)	
7.	100450	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2(2,0)	
8.	100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2(2,0)	
9.	100452	12100012	Tài chính quốc tế	2(2,0)	
10.	100456	12100016	Quản trị dự án	2(2,0)	
<b>III. Chuyên đề nghiên cứu, thực tập</b>				<b>12(0,12)</b>	
1.		12207110	Chuyên đề 1 – Tổng quan nghiên cứu	3(0,3)	
2.		12207111	Chuyên đề 2 – Phương pháp nghiên cứu	3(0,3)	
3.		12207112	Chuyên đề 3 – Kết quả nghiên cứu	3(0,3)	
4.	0310101516	12204104	Thực tập	3(0,3)	
<b>IV. Luận văn</b>				<b>15(0,15)</b>	
1.		12209105	Luận văn	15(0,15)	
<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa</b>				<b>60(33,27)</b>	

### 11.2. Nội dung chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện
					(học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
<b>I. Học phần bắt buộc</b>				<b>18(18,0)</b>	
1.	100409	11100012	Triết học	4(4,0)	
2.		12200101	Lý thuyết kế toán	2(2,0)	
3.		12200102	Kế toán tài chính nâng cao	2(2,0)	
4.		12200107	Kế toán quản trị nâng cao	2(2,0)	
5.		12200109	Báo cáo tài chính nâng cao (Advanced Financial Reporting)	2(2,0)	
6.	100441	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính - kế toán	2(2,0)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
7.	100449	12100009	Phân tích chính sách thuế	2(2,0)	
8.	100458	12100018	Kiểm soát nội bộ	2(2,0)	
<b>II. Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 13 học phần)</b>			<b>26(26,0)</b>		
1.		12100027	Phân tích dữ liệu trong tài chính kế toán nâng cao	2(2,0)	
2.		12200108	Kiểm toán nâng cao	2(2,0)	
3.		12200113	Hệ thống thông tin quản lý	2(2,0)	
4.	101505	11100009	Luật kinh doanh	2(2,0)	
5.	100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2(2,0)	
6.	100448	12100008	Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá	2(2,0)	
7.	100457	12100017	Kế toán chi phí	2(2,0)	
8.	100450	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2(2,0)	
9.	101506	12100020	Kế toán quốc tế	2(2,0)	
10.	100451	12100011	Mô hình tài chính	2(2,0)	
11.	100452	12100012	Tài chính quốc tế	2(2,0)	
12.	100453	12100013	Ngân hàng hiện đại	2(2,0)	
13.	100454	12100014	Quản trị ngân hàng hiện đại	2(2,0)	
14.	100455	12100015	Quản trị danh mục đầu tư	2(2,0)	
15.	100456	12100016	Quản trị dự án	2(2,0)	
16.	100568	13100033	E – Marketing	2(2,0)	
17.	100623	13102022	Quản trị chuỗi cung ứng	2(2,0)	
18.	100571	13102003	Khoa học lãnh đạo	2(2,0)	
<b>III. Thực tập</b>			<b>8(0,8)</b>		
1.		12204104	Thực tập	8(0,8)	
<b>IV. Đề án</b>			<b>8(0,8)</b>		
1.		12207106	Đề án	8(0,8)	
<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa</b>			<b>60(44,16)</b>		

## 12. Kế hoạch đào tạo

### 12.1. Kế hoạch đào tạo theo định hướng nghiên cứu

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>Học kỳ 1: 17 tín chỉ tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>13 (13,0)</b>	
1.	0310100409	11100012	Triết học	4 (4,0)	
2.	0310101509	12100021	Phương pháp nghiên cứu định tính	2 (2,0)	
3.		12200101	Lý thuyết kế toán	2 (2,0)	
4.	0310101441	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	3 (3,0)	
5.		12200102	Kế toán tài chính nâng cao	2 (2,0)	
<b>Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 2 học phần)</b>				<b>4 (4,0)</b>	
1.		12100027	Phân tích dữ liệu trong tài chính kế toán.	2 (2,0)	
2.		12200109	Báo cáo tài chính nâng cao (Advanced Financial Reporting)	2 (2,0)	
3.	0310100446	12100005	Tiền tệ Ngân hàng	2 (2,0)	
4.	0310100452	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2 (2,0)	
5.	0310101506	13100023	Quản trị dự án	2 (2,0)	
<b>Học kỳ 2: 16 tín chỉ tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>10 (10,0)</b>	
1.	0310101510	12100022	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2 (2,0)	
2.	0310101511	12200107	Kế toán quản trị nâng cao	2 (2,0)	
3.		12200108	Kiểm toán nâng cao	2 (2,0)	
4.	0310100458	12100018	Kiểm soát nội bộ	2 (2,0)	
5.	0310101505	11100009	Luật kinh doanh	2 (2,0)	
<b>Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 3 học phần)</b>				<b>6 (6,0)</b>	
1.	0310100454	12100012	Tài chính quốc tế	2(2,0)	
2.	0310100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2(2,0)	

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
3.	0310100443	12100006	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2 (2,0)	
4.	0310100444	12200113	Hệ thống thông tin quản lý	2 (2,0)	
5.	0310100451	12100009	Phân tích chính sách thuế	2 (2,0)	

### Học kỳ 3: 27 tín chỉ tích luỹ

1.	0310101512	12207110	Chuyên đề 1	3 (0,3)	
2.	0310101513	12207111	Chuyên đề 2	3 (0,3)	
3.	0310101514	12207112	Chuyên đề 3	3 (0,3)	
4.		12204104	Thực tập	3 (0,3)	
5.		12209105	Luận văn	15 (0,15)	

### 12.2. Kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>Học kỳ 1: 22 tín chỉ tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>					
1.	0310100409	11100012	Triết học	4 (4,0)	
2.		12200101	Lý thuyết kế toán	2 (2,0)	
3.		12200102	Kế toán tài chính nâng cao	2 (2,0)	
4.		12200107	Kế toán quản trị nâng cao	2 (2,0)	
5.	0310100441	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	2 (2,0)	
<b>Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 5 học phần)</b>					
1.	0310101505	11100009	Luật kinh doanh	2 (2,0)	
2.	0310100454	12100012	Tài chính quốc tế	2 (2,0)	
3.	0310100451	12100011	Mô hình tài chính	2 (2,0)	
4.		12100027	Phân tích dữ liệu trong tài chính kế toán nâng cao	2 (2,0)	
5.	0310100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2 (2,0)	

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
6.	0310100448	12100008	Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá	2 (2,0)	
7.	0310100455	12100013	Ngân hàng hiện đại	2 (2,0)	
<b>Học kỳ 2: 22 tín chỉ tích lũy</b>					
<b>Học phần bắt buộc</b>					<b>6 (2,0)</b>
1.		12200109	Báo cáo tài chính nâng cao	2 (2,0)	
2.	0310100451	12100009	Phân tích chính sách thuế	2 (2,0)	
3.	0310100458	12100018	Kiểm soát nội bộ	2 (2,0)	
<b>Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 8 học phần)</b>					<b>16 (12,0)</b>
1.	0310100456	12100014	Quản trị ngân hàng hiện đại	2 (2,0)	
2.	0310100558	13102022	Quản trị chuỗi cung ứng	2 (2,0)	
3.	0310100567	13100017	Quản trị danh mục đầu tư	2 (2,0)	
4.	0310100452	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2 (2,0)	
5.	0310100444	12200113	Hệ thống thông tin quản lý	2 (2,0)	
6.	0310101456	12100016	Quản trị dự án	2 (2,0)	
7.	0310100457	12200103	Kế toán chi phí	2 (2,0)	
8.	0310101506	12100020	Kế toán quốc tế	2 (2,0)	
9.	0310100568	13100033	E – Marketing	2 (2,0)	
10.		12200108	Kiểm toán nâng cao	2 (2,0)	
11.	0310100571	13100003	Khoa học lãnh đạo	2 (2,0)	
<b>Học kỳ 3: 16 tín chỉ tích lũy</b>					
27.		12204104	Thực tập	8 (0,8)	
28.		12207106	Đề án	8 (0,8)	

### 13. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo

Các đơn vị có trách nhiệm xây dựng và thực hiện Kế hoạch kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo theo Chương trình đào tạo đã được phê duyệt và Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

## **14. Hướng dẫn thực hiện**

### **14.1. Đối với các Khoa đào tạo, Bộ môn**

- Có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình và tư vấn, hướng dẫn cho người học đăng ký các học phần.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương học phần cho giảng viên để triển khai kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết, học trước và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.
- Kiểm tra, giám sát công tác giảng dạy của giảng viên theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành và đảm bảo các hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

### **14.2. Đối với giảng viên**

- Giảng viên cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương học phần để chuẩn bị bài giảng, phương pháp giảng dạy và các phương tiện dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho người học để người học chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học theo triết lý giáo dục ‘Học tập chủ động, làm việc sáng tạo’, thực hiện đúng các phương pháp kiểm tra, đánh giá quy định trong đề cương học phần.
- Rút kinh nghiệm đổi mới hoạt động giảng dạy của bản thân và tích cực tham gia vào hoạt động đổi mới phương pháp dạy học theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

### **14.3. Đối với người học**

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cô ván học tập/giáo viên chủ nhiệm để lựa chọn học phần cho phù hợp với định hướng và năng lực học tập.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp hoặc tham gia thực hành theo quy định.
- Phát huy tính tự chủ, tinh thần tự học, tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các hoạt động thảo luận, seminar, thực hành.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm luận văn/đề án.
- Thực hiện nghiêm túc Quy chế thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập.

**15. Phê duyệt chương trình đào tạo**

TP. HCM, ngày tháng năm 20  
**TRƯỞNG KHOA**

*Trần Phước*

TP. HCM, ngày tháng năm 20  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KH&ĐT**

*Nguyễn Xuân Hoàn*

*Nguyễn Xuân Hoàn*

TP. HCM, ngày tháng năm 20  
**TRƯỞNG NGÀNH SAU ĐẠI HỌC**

*Trần Phước*

TP. HCM, ngày tháng năm 20

**HỘ KHỐI TRƯỞNG**



*Nguyễn Xuân Hoàn*